

Số: **170/2022/QĐST-HNGĐ**

Ninh Hòa, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 270/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Hữu A - Sinh năm: 1978
Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện A, tỉnh Y

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc B - Sinh năm: 1979
Địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã H, tỉnh H;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Hữu A và bà Đỗ Thị Ngọc B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Hữu A và bà Đỗ Thị Ngọc B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung là Trịnh Đỗ Quỳnh C - Sinh ngày 29/11/2008 và Trịnh Đỗ Quỳnh D – Sinh ngày 09/11/2010 cho bà Đỗ Thị Ngọc B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Trịnh Hữu A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, thời gian

cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2022 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (Mười tám) tuổi. Ông Trịnh Hữu A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quy định: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Ông Trịnh Hữu A và bà Đỗ Thị Ngọc B không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Ông Trịnh Hữu A tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng, ông A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004726 ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H. Ông A đã nộp đủ án phí.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- GCNKH số: 18, ngày 30/6/2008;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Nguyệt